

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2020/HS-ST  
Ngày: 20 - 11 - 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Phương.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Đàm Văn Kiều.

Ông Đào Văn Rạng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Hà Viết Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/TLST- HS ngày 26 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo: Phạm Văn H - Sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952, cả hai hiện làm ruộng tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; gia đình có 04 anh em, H là con thứ bốn; vợ, con: Chưa.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 23 tháng 8 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân:

+ Ngày 25 tháng 02 năm 2019, “*Trộm cắp tài sản*” bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt cảnh cáo.

+ Ngày 17 tháng 3 năm 2016, Phạm Văn H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử ra Quyết định miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo bản án số 37/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2016 và trả tự do tại phiên tòa.

Bị cáo Phạm Văn H bị bắt, tạm giam từ ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N; có mặt.

\* *Người bị hại:* Ông Đồng Kim Gi, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đồng Mạnh Th, sinh năm 1969; ĐKKHTT: Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

\* *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị B, sinh năm 1955; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 21 tháng 9 năm 2020, Phạm Văn H đi đến xóm 11, xã N tìm tài sản để trộm cắp, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Phạm Văn H đi bộ đến trước nhà ông Đồng Mạnh Th, thấy nhà ông Th không có ai ở nhà (Gia đình ông Th đi vào Miền Nam làm ăn và có nhờ ông Đồng Kim Gi trông coi, quản lý nhà cửa, tài sản), H nhặt 01 bao xác rắn màu xanh ở vệ đường rồi trèo qua tường bao phía Tây vào nhà ông Th, xuống bếp lấy 01 bình ga gắn liền với 01 van ga có dây dẫn màu đen (nối với bếp ga) cho vào trong bao xác rắn rồi buộc lại rồi đi ra ngoài. Khi H xách bao xác rắn đi ra tường bao phía Tây nhà ông Th, trèo tường ra ngoài thì bị bà Vũ Thị B phát hiện và hô “Trộm, trộm”, H bỏ chạy, để lại bao xác rắn đựng bình ga lại. Sau đó, bà Vũ Thị B đã giao nộp bao xác rắn có 01 bình ga, vỏ màu hồng, nhãn hiệu Petro Việt Nam ga gắn liền với 01 van ga có dây dẫn màu đen dài 1,3 mét cho Công an xã N để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật. (Bút lục: 12, 44 - 55, 58 - 61, 62 - 65).

Tại bản kết luận định giá số 22/HĐ - ĐGTS, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 bình ga có trọng lượng 16,2 kg, vỏ màu hồng, nhãn hiệu Petro Việt Nam ga ; 01 van bình ga; 01 ống dẫn ga dài 1,3 mét có giá trị 350.000 đồng. (Bút lục: 16 - 17).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Phạm Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phạm Văn H từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng của vụ án; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bị hại vắng mặt tại phiên toà, có lời khai: Đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời KH nhận của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 21/9/2020, Phạm Văn H có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình ông Đồng Mạnh Th (Gia đình ông Th đi vào Miền Nam làm ăn và có nhờ ông Đồng Kim Gi trông coi, quản lý nhà cửa, tài sản) 01 bình ga có trọng lượng 16,2 kg, vỏ màu hồng, nhãn hiệu Petro Việt Nam ga gắn liền với 01 van ga có dây dẫn màu đen dài 1,3 mét, có giá trị 350.000 đồng. Ngày 23/8/2019, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” ngày 05/01/2020 chấp hành xong án phạt tù. Mặc dù tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt dưới 2.000.000đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích do vậy lần phạm tội này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình, đã bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính về tội trộm cắp tài sản, đã được miễn trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện tội phạm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công KH, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 bình ga có trọng lượng 16,2 kg, vỏ màu hồng, nhãn hiệu Petro Việt Nam ga gắn liền với 01 van ga có dây dẫn màu đen dài 1,3 mét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Đồng Kim Gi là người được ông Đồng Mạnh Th nhờ trông coi, quản lý nhà cửa, tài sản là phù hợp.

Đối với 01 bao xác rắn màu xanh (có kích thước 01m x 0,6 m) là công cụ Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2020.
3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 bao xác rắn màu xanh (có kích thước 01m x 0,6 m) là công cụ Phạm Văn H sử dụng vào việc phạm tội.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 03/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công KH có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**(Đã ký)**

**Phạm Hùng Phương**